TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 4 – 2024
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon.

2. Ông Trần Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Ánh L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn K, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Trần Thị Ánh L, anh Phạm Văn K có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Ánh L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ánh L và anh Phạm Văn K tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng do tìm hiểu, quen biết và có tổ chức đám cưới vào năm 1992, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi sống chung thì anh K không có chăm lo cho chị L, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do anh

K nói chuyện không có tình nghĩa, không tôn trọng chị L, anh K đi làm không có đưa tiền chăm lo gia đình; đến năm 2022, anh K có đánh chị L, sau đó anh K đi về ấp T, xã T, huyện T cất nhà sinh sống, còn chị L vẫn sinh sống cùng mẹ ruột chị L tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang, nên vợ chồng ly thân từ năm 2022 đến nay mà không hàn gắn được. Nay chị L không còn tình cảm với anh K, không muốn hàn gắn với anh K nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị L và anh K có 01 con chung tên Phạm Tuấn A, sinh năm 1992, chết năm 2010, hiện nay anh chị không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Phạm Văn K trình bày*:

Về hôn nhân: Anh K và chị L tự nguyện tìm hiểu, sau đó được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1992, không có đăng ký kết hôn theo quy định, do sau khi cưới thì cùng đi làm ăn nên không đi đăng ký. Sau khi cưới thì anh K và chị L sống chung có hạnh phúc, trong cuộc sống cũng có cự cải nhưng sau đó hòa giải với nhau được. Đến năm 2022, anh K và chị L có cự cãi với nhau tại mẹ ruột chị L tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang, khi cự cãi anh K không kiềm chế được nên có đánh chị L 01-02 bạt tay; sau đó anh K về cất nhà tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp sinh sống, còn chị L vẫn sinh sống tại mẹ ruột chị L tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang để nuôi mẹ chị L. Từ năm 2022 đến tháng 11/2023, anh K và chị L không có sống chung với nhau nhưng vẫn có liên hệ qua lại, nhưng từ tháng 11/2023 đến nay thì chị L không liên hệ, trao đổi với anh K. Khi anh K qua nhà mẹ chị L thì vẫn gặp, nói chuyện với chị L. Hiện nay, anh K vẫn còn tình cảm với chị L nên anh K không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh K và chị L có 01 con chung tên Phạm Tuấn A, sinh năm 1992, chết năm 2010, hiện nay anh chị không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn có thực hiện một phần nhưng vẫn chưa thực hiện đúng toàn bộ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Ánh L với anh Phạm Văn K. Về con chung: Chị L và anh K có 01 con chung tên Phạm Tuấn A, sinh năm 1992; hiện nay cháu Tuấn A đã chết nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản

chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 01/8/2023 của chị Trần Thị Ánh L (Bản chính);

- Giấy CCCD của chị Trần Thị Ánh L (Bản sao);

- Bản tự khai ngày 01/8/2023 của chị Trần Thị Ánh L (Bản chính);

- Giấy CCCD của anh Phạm Văn K (Bản photo, đã đối chiếu bản chính);

- Biên bản lấy lời khai anh Phạm Văn K ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình;

- Văn bản số 67/UBND ngày 10/4/2024 của UBND xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp v/v cung cấp thông tin (Bản chính);

- Văn bản số 176/UBND-TP-HT ngày 10/4/2024 của UBND xã P, huyện P, tỉnh An Giang v/v cung cấp thông tin (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ánh L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Phạm Văn K cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ánh L yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn K; anh K không thống nhất ly hôn với chị L.

Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"*. Do đó, chị L và anh K chung sống với nhau từ năm 1992 mà đến nay vẫn không có đăng ký

kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Chị L xác định khi chung sống với nhau đến đầu năm 2019 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, do anh K không tôn trọng chị L, đi làm không có đưa tiền cho chị L chăm lo gia đình; đến năm 2022, anh K có đánh chị L và anh K về ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cất nhà sinh sống nên anh chị sống ly thân từ năm 2022 đến nay mà không hàn gắn được, do chị L không đồng ý hàn gắn với anh K. Anh K xác định sau khi cưới thì anh K và chị L sống chung có hạnh phúc, cũng có cự cải nhưng sau đó hòa giải với nhau được. Đến năm 2022, anh K và chị L có cự cãi với nhau, anh K không kiềm chế được nên có đánh chị L. Sau đó anh K về ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cất nhà sinh sống, còn chị L vẫn sinh sống với mẹ ruột chị L tại ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang để nuôi mẹ chị L. Từ năm 2022 đến tháng 11/2023, anh K và chị L không có sống chung với nhau nhưng vẫn có liên hệ qua lại, nhưng từ tháng 11/2023 đến nay thì chị L không liên hệ, trao đổi với anh K. Khi anh K qua nhà mẹ chị L thì vẫn gặp, nói chuyện với chị L. Hiện nay, anh K vẫn còn tình cảm với chị L nên anh K không đồng ý ly hôn với chị L.

Từ trình bày của chị L và anh K, cho thấy chị L và anh K không sống chung với nhau từ năm 2022 đến nay; hiện nay chị L không còn tình cảm và không muốn hàn gắn, đoàn tụ với anh K. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị L và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, do chị L và anh K không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh K là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*".

Do đó, Hội đồng xét xử xem xét, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh K là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh K xác định anh chị có 01 con chung tên Phạm Tuấn A, sinh năm 1992, hiện nay đã chết. Chị L và anh K đều không có yêu cầu giải quyết về con chung do cháu Tuấn A đã chết và hiện nay anh chị không còn con chung nào khác, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Ánh L và anh Phạm Văn K không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ánh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Phạm Văn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Ánh L với anh Phạm Văn K.

2. Về con chung: Con chung tên Phạm Tuấn A, sinh năm 1992, hiện nay đã chết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Ánh L và anh Phạm Văn K không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Ánh L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006019 ngày 04/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị L đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Văn K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 12/04/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thùy Trang